TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 547/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1994; địa chỉ đăng ký cư trú: Đội 2 thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1986; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 2 thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị V, sinh năm 1967; địa chỉ: Đ thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh L1 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Tháng 5/2015 anh L1 đi lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay chỉ về thăm nhà một lần. Vợ chồng ly thân đã lâu, ít khi liên lạc, có thời gian chị L cũng sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không chung sống và không gặp nhau. Chị L xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/10/2013, hiện đang ở với mẹ anh L1 là bà Trần Thị V tại đội 2, thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn anh L1 có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và uỷ quyền cho bà V chăm sóc thay trong thời gian anh L1 không ở Việt Nam thì chị L đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh L1, chị Lơ là con dâu bà. Chị L và anh L1 tự nguyện kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống cùng gia đình bà được vài năm thì anh L1 đi Đài Loan lao động. Từ khi đi anh L1 chỉ về thăm nhà một lần rồi lại tiếp tục đi đến nay chưa về. 02 năm sau thì chị L cũng đi Đài Loan, có thời gian chị L về Việt Nam nhưng không về nhà bà sinh sống. Vợ chồng anh L1 có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/10/2013, cháu Q ở với bà từ nhỏ. Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L1 ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh L1 nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án để thông báo cho anh L1. Quan điểm của anh L1 là đồng ý ly hôn với chị L; về con chung thì anh L1 đề nghị được nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh L1 uỷ quyền cho bà V chăm sóc cháu Q trong thời gian anh L1 không ở Việt Nam thì bà V đồng ý, chi phí chăm sóc không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh L1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Tại Công văn số 34320/QLXNC-P3 ngày 20/12/2023, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp: Anh Nguyễn Văn L1 xuất cảnh lần gần nhất ngày 14/3/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên

tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật HNGĐ), Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử cho chị Vũ Thị Lơ ly hôn anh Nguyễn Văn L1; giao con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/10/2013 cho anh L1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho bà Trần Thị V chăm sóc thay đến khi anh L1 về Việt Nam; chấp nhận sự tự nguyện của anh L1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị L đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh L1. Chị L, anh L1 đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh L1 hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2015 anh L1 đi Đài Loan lao động đến nay chỉ về thăm nhà một lần, vợ chồng ít khi liên lạc, mặc dù có thời gian chị L cũng sang Đài Loan nhưng vợ chồng không chung sống, không gặp nhau. Xét thấy chị L và anh L1 ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn thì anh L1 đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh L1.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh L1 có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/10/2013, hiện đang ở với mẹ của anh L1 là bà Trần Thị V tại đội B, thôn V, xã T, huyện B. Anh L1 đề nghị được nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Mặt khác, anh L1 uỷ quyền cho mẹ là bà V thay anh chăm sóc cháu Q trong thời gian anh L1 không ở Việt Nam thì bà V đồng ý. Cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Xét thấy hiện con chung của chị L, anh

L1 đang ở cùng bà V và sinh sống, học tập ổn định, phát triển khoẻ mạnh về cả thể chất và tinh thần nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ đề nghị của các bên và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho anh L1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho bà V chăm sóc thay trong thời gian anh L1 không ở Việt Nam. Việc anh L1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận. Bà V không yêu cầu giải quyết về chi phí thay anh L1 chăm sóc cháu Q nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh L1 không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh L1 yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lơ l nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Lơ.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Lơ ly h anh Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/10/2013 cho anh Nguyễn Văn L1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho bà Trần Thị V thay anh L1 chăm sóc cháu Q trong thời gian anh L1 không ở Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn L1 không yêu cầu chị Vũ Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vũ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng chị L đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 29/11/2023 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000331; chị L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị L, bà Trần Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, Toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng